

**Bản án số: 41/2020/HS-ST  
Ngày: 18/6/2020.**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hoa Nga**.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông **Võ Thanh Đức**

- Ông **Nguyễn Văn Quang**

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Ngọc Song Yên** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:***  
Ông **Trần Ngọc Trung** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2020, Thông báo hoãn phiên tòa số: 04/2020/Tb-HPT ngày 24/4/2020 và Thông báo hoãn phiên tòa số 07/2020/Tb-HPT ngày 18/5/2020 đối với bị cáo:

**NGUYỄN VĂN B (Tên khác: Minh T)** - Sinh năm 1995 tại Bình Thuận

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Q, sinh năm 1972 và bà: Đỗ Thị C, sinh năm 1973; Gia đình có 04 chị, em; Bị cáo là con thứ ba. Vợ, con: Không;

Tiền án: Ngày 26/10/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 05/2018/HSST). Đến ngày 06/11/2018, chấp hành xong hình phạt tù (Giấy chứng nhận số 824/GCN của Giám thị trại giam Sông Cánh).

Nhân thân:

- Ngày 10/02/2017, bị Công an thị xã L xử phạt vi phạm hành chính 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.



- Ngày 28/02/2011, bị Chủ tịch UBND thị xã L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Quyết định số 84/QĐ-UBND).

- Ngày 04/10/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã L xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 71/2019/HSST).

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Sông Cái, tỉnh Ninh Thuận theo Quyết định thi hành án số 92/2019/QĐ-CA, ngày 04/11/2019 (có mặt).

- Bị hại:

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Đặng N** (tên khác: Sáu), sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 10, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người làm chứng: Ông **Võ Văn P**, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong tháng 10/2019, Nguyễn Văn B đã thực hiện các hành vi sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 05 giờ ngày 14/10/2019, Nguyễn Văn B cần thuê xe ôm chở đến nhà bạn ở khu vực Đồi D, phường B, thị xã L nhưng không có xe, quan sát xung quanh thì Nguyễn Văn B thấy 1 (một) xe mô tô hiệu Linda Lifan, biển kiểm soát 86K5 - 0183 của bà Nguyễn Thị Lầm dựng trước nhà số 131/5/16 đường Lê Lợi, Khu phố 4, phường Phước H có cắm sẵn chìa khóa trên xe và không có người trông coi nên B nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Thực hiện ý định trên, B lại gần và nổ máy xe chạy rồi điều khiển xe đến nhà bạn chơi. Khoảng 30 phút sau, B điều khiển xe về lại nhà, đi được khoảng 20 mét thì xe hết xăng nên B dựng xe sát lề đường trước nhà bạn mình rồi đi bộ về nhà. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Công an mời Nguyễn Văn B lên làm việc, B đã thừa nhận hành vi của mình và giao nộp xe cho Công an thu giữ.



Lần thứ hai: Vào khoảng 15 giờ ngày 25/10/2019, Nguyễn Văn B đi bộ tại khu vực Sông D thuộc Khu phố 4, phường Phước H, thị xã L nhằm tìm tài sản bị sở hữu để trộm cắp, bán lấy tiền tiêu xài. Nguyễn Văn B quan sát thấy chiếc ghe của bà Nguyễn Thị T đang neo đậu không có người trông coi nên Ba trèo lên ghe, lục lọi tài sản, thấy 01 (một) can dầu diesel màu xanh, bên trong chứa 29 (hai mươi chín) lít dầu diesel nên tìm cách vận chuyển số dầu này khỏi ghe để đem đi bán. Đúng lúc này, ông Đặng N đi ngang ghe nên B nhờ N khiêng dầu ra, sau đó, Nguyễn Văn B cắt can dầu bên cạnh một tiệm cơ khí của người dân. Khi bà T đi về, phát hiện ghe bị mất can dầu nên hỏi người dân xung quanh thì nghi ngờ Nguyễn Văn B là người lấy cắp tài sản của mình nên đã trình báo với công an. Sau khi được công an mời làm việc, Nguyễn Văn B đã thừa nhận toàn bộ hành vi của mình và nộp số dầu cho Công an thu giữ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 85/KL-ĐGTS ngày 17/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Linda Lifan, màu xanh, dung tích 107, biển kiểm soát 86K5 - 0183, đăng ký lần đầu ngày 10/01/2004, đã qua sử dụng có giá trị là 1.600.000 đồng (*Một triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 93/KL-ĐGTS ngày 04/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã L kết luận: 01 (một) can nhựa màu đen có chữ Hydrogen Peroxide có giá trị 10.000 đồng, 29 lít dầu diesel có giá trị 470.380 đồng, tổng cộng là 480.380 đồng (*Bốn trăm tám mươi nghìn ba trăm tám mươi đồng*).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn B và các bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì với kết luận định giá trên.

Về vật chứng vụ án gồm: 01 (một) xe mô tô hiệu Linda Lifan và 01 (một) can nhựa chứa 29 lít dầu diesel thu giữ từ Nguyễn Văn B đã được cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thị xã L trả lại cho bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T.

Về dân sự: Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị T đã nhận lại tài sản và đều không yêu cầu bị cáo bồi thường.

***Tại Cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 19/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.***

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 19/02/2020 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.



Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm h, s Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn B: từ 24 Tháng đến 30 tháng tù và tổng hợp hình phạt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn B thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát, đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Nguyễn Văn B nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thấy hành vi phạm tội của bản thân bị xét xử là đúng nhưng xin tòa chiếu cố giảm nhẹ cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị hại Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng N, người làm chứng Võ Văn P.

Ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo - Nguyễn Văn B là đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử, vì lời khai của họ đã đầy đủ, thể hiện rõ trong hồ sơ vụ án, vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Văn B tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó, đủ cơ sở kết luận: Nguyễn Văn B đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 05 giờ ngày 14/10/2019, tại Khu phố 4, phường Phước H, thị xã L, Nguyễn Văn B lén lút chiếm đoạt 1 (một) xe mô tô hiệu Linda Lifan, biển



kiểm soát 86K5 – 0183, trị giá 1.600.000 đồng (một triệu sáu trăm nghìn đồng) của bà Nguyễn Thị L.

Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 25/10/2019, tại ghe của bà Nguyễn Thị T neo đậu ở Khu phố 4, phường Phước H, thị xã L, Nguyễn Văn B lén lút chiếm đoạt 01 (một) can dầu diesel chứa 29 (hai mươi chín) lít dầu diesel, tổng trị giá 480.380 đồng (bốn trăm tám mươi nghìn ba trăm tám mươi đồng) của bà Nguyễn Thị T.

Mặc dù giá trị tài sản mỗi lần Nguyễn Văn B chiếm đoạt đều dưới 2.000.000 đồng nhưng do bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thị xã L kết án về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 05/2018/HSST ngày 26/01/2018, chưa được xóa án tích mà tiếp tục vi phạm, do đó, đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự thì 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản như trên của bị cáo Nguyễn Văn B đều đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn B về tội danh, điều luật áp dụng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với hành vi của ông Đặng N giúp bị cáo Nguyễn Văn B khiêng can dầu ra khỏi ghe của bà Nguyễn Thị T, quá trình điều tra, ông Ngân và bị cáo đều khai nhận thống nhất N không biết đây là tài sản trộm cắp, Nguyễn Văn B cũng không nói cho N biết, cả hai không có sự bàn bạc, phân công cùng thực hiện hành vi trộm cắp từ trước, do đó, không có căn cứ để xử lý hình sự đối với ông Đặng N trong vụ án này.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự khi phạm tội, có lỗi cố ý, bị cáo đã từng bị xử lý hình sự, xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là phạm pháp nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, qua đó thể hiện sự tham lam, xem thường pháp luật của bị cáo, xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự, an ninh tại địa phương. Do đó, cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo Nguyễn Văn B ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống lành mạnh, có ích, đồng thời để răn đe, phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Do bị cáo Nguyễn Văn B đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, vì vậy, bị cáo phải bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.



Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Xét thấy 86K5 – 0183 là tài sản của bà Nguyễn Thị L, can dầu diesel chứa 29 lít dầu diesel là tài sản của bà Nguyễn Thị Thảo nên cơ quan Cảnh sát điều tra – Cơ quan thị xã L trả các tài sản trên cho chủ sử dụng, chủ sở hữu là đúng theo quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 173; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm s, điểm h Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

**Tuyên bố:** Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- **Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B **24** (bằng chữ: **hai mươi bốn**) **tháng tù**.

Căn cứ vào Điều 56 Bộ luật hình sự;

Tổng hợp hình phạt 24 (bằng chữ: hai mươi bốn) tháng tù theo Bản án số 71/2019/HSST ngày 04/10/2019 của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Buộc bị cáo Nguyễn Văn B phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **48**( bằng chữ: **bốn mươi tám**) **tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 04/11/2019.

- **Về án phí:** Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;



Án xử công khai. Bị cáo Nguyễn Văn B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/6/2020). Riêng bị hại Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tx. L;
- Chi cục THADS tx. L;
- Công an tx. L;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ – án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đặng Thị Hoa Nga**